

## CHƯƠNG 1

### KHÁI QUÁT VỀ KINH TẾ VĨ MÔ

Khác với kinh tế học vi mô chủ yếu nghiên cứu hành vi cá biệt của nền kinh tế, kinh tế học vĩ mô là môn khoa học nghiên cứu tổng thể nền kinh tế. Nó xem xét các trạng thái và xu hướng vận động của toàn bộ nền kinh tế. Ví dụ, sản lượng kinh tế của Việt Nam năm 2002 là bao nhiêu ? Với mức sản lượng này nền kinh tế hoạt động ra sao ? Tại sao mức thất nghiệp lại tăng ? Hiện tượng lạm phát ảnh hưởng tới đời sống kinh tế như thế nào ? Chính phủ cần làm gì để có thể tăng trưởng kinh tế ? ...

#### 1.1. Mục tiêu và công cụ của kinh tế vĩ mô.

##### 1.1.1. Mục tiêu.

###### 1.1.1.1. Sản lượng thực tế tăng.

Cũng như xem xét thu nhập thực tế của một hộ gia đình, mức sản lượng của nền kinh tế là thước đo cơ bản của sự tiến bộ và giàu có. Mục tiêu lớn nhất của nền kinh tế là đạt được mức sản lượng thực tế tăng. Điều đó cũng có nghĩa là nhân dân được hưởng nhiều hàng hoá và dịch vụ hơn.

Thước đo toàn diện nhất được hầu hết các nước sử dụng để tính toán tổng sản lượng trong một nền kinh tế là tổng sản phẩm quốc nội (GDP).

GDP là toàn bộ giá trị thị trường của hàng hoá và dịch vụ cuối cùng được sản xuất tại một nước trong một năm.

GDP danh nghĩa được xác định theo giá thị trường hiện hành. GDP thực tế được tính theo giá cố định hay giá gốc.

Sự tăng lên đều đặn của GDP thực tế là 1 thước đo tốt nhất để đánh giá sự tăng trưởng của nền kinh tế. Nó thể hiện trạng thái cân bằng tổng thể của nền kinh tế và những cố gắng lớn lao của các nhà lãnh đạo quốc gia.

GDP tiềm năng thể hiện khả năng sản xuất dài hạn của nền kinh tế, là mức tối đa mà 1 nền kinh tế có thể sản xuất được mà vẫn duy trì giá cả ổn định và tỷ lệ hữu nghiệp cao.

Trong nền kinh tế thị trường, chu kỳ kinh doanh luôn luôn diễn ra. Khi nền kinh tế suy thoái, chênh lệch giữa GDP tiềm năng và GDP thực tế rất lớn, nền kinh tế hoạt động bên trong giới hạn khả năng sản xuất của mình, mục tiêu tăng sản lượng để đạt được GDP tiềm năng càng trở nên cấp thiết và chi phối mọi hoạt động kinh tế trọng yếu của một quốc gia.

#### *1.1.1.2. Việc làm nhiều, tỷ lệ thất nghiệp thấp.*

Thất nghiệp là hiện tượng không tránh khỏi trong nền kinh tế thị trường. Hoạt động kinh tế của một quốc gia phải hướng tới tăng việc làm, mọi người đều có khả năng tìm được việc làm ổn định với mức lương cao. Tương ứng với điều đó là hạ thấp tỷ lệ thất nghiệp.

Thất nghiệp gây ra những tổn thất to lớn về kinh tế cho toàn xã hội, cho những người bị thất nghiệp và cho những người đang có việc làm. Đặc biệt, thất nghiệp gây ra căng thẳng về mặt tâm lý và là một trong những nguyên nhân gây ra các tệ nạn xã hội.

Hạ thấp tỷ lệ thất nghiệp đang là nhiệm vụ trọng tâm của nhiều quốc gia, là khẩu hiệu tranh cử của nhiều ứng cử viên chính trị hàng đầu.

#### *1.1.1.3. Ổn định giá cả.*

Mục tiêu lớn thứ ba của nền kinh tế là ổn định giá cả. Trong thị trường tự do, cung cầu xác định giá cả. Nếu thị trường là cạnh tranh hoàn hảo thì nền kinh tế đạt được hiệu quả Pareto. Điều đó có nghĩa là mọi nguồn lực được phân bổ một cách hợp lý, đạt được hiệu quả cao nhất, các thị trường đều cân bằng và giá cả nói chung là ổn định. Chính phủ không nên kiểm soát giá cả của từng mặt hàng riêng lẻ. Bằng cách cho phép các doanh nghiệp được tự do ra quyết định sản xuất và định giá cho mình, xã hội mới phát huy được động cơ lợi nhuận để phục vụ cho lợi ích quốc gia. Tuy nhiên, nền kinh tế thị trường, tự nó sẽ đi tới nhiều khuyết tật. Giá cả lên xuống quá nhanh sẽ phá vỡ các quyết định kinh tế của doanh nghiệp và cá nhân.

Lạm phát xảy ra khi mức giá chung tăng lên. Thước đo phổ biến của mức giá chung là chỉ số giá cả tiêu dùng (CPI) - một số bình quân gia quyền của

những loại giá cả mà các hộ gia đình trả cho hàng hoá và dịch vụ. Sự thay đổi trong mức giá gọi là tỷ lệ lạm phát. Giảm phát xảy ra khi giá cả giảm xuống (có nghĩa là tỷ lệ lạm phát âm).

Lạm phát cao và giảm phát mạnh đều tác động xấu đối với nền kinh tế. Đặc biệt, khi có siêu lạm phát với mức giá tăng lên một nghìn hay một triệu phần trăm một năm thì hệ thống giá cả bị phá vỡ, nền kinh tế khủng hoảng toàn diện.

Mục tiêu của các quốc gia có nền kinh tế thị trường là ổn định giá cả từ đó ổn định thế cân bằng toàn diện của nền kinh tế.

#### *1.1.1.4 Cân bằng cán cân thanh toán quốc tế.*

Cán cân thanh toán quốc tế là một bản ghi một cách có hệ thống về tất cả các giao dịch kinh tế của một nước với phần còn lại của thế giới.

Trong thời đại toàn cầu hoá kinh tế, không có một quốc gia nào có thể tồn tại và phát triển một cách biệt lập. Tất cả các nước đều tham gia vào nền kinh tế thế giới và liên hệ với nhau thông qua hoạt động thương mại và tài chính. Mục tiêu của nền kinh tế là phải hướng tới cân bằng giữa luồng ra và luồng vào đối với nền kinh tế, tức là cán cân thanh toán quốc tế cân bằng.

#### **1.1.2 Các chính sách kinh tế vĩ mô cơ bản.** **(Công cụ của kinh tế vĩ mô)**

Với mục tiêu đặt ra như trên, làm thế nào để chính phủ có thể đạt được trong các hoàn cảnh kinh tế xã hội khác nhau? Giả sử thất nghiệp đang gia tăng và GDP giảm, nhập khẩu tăng quá lớn so với xuất khẩu hoặc lạm phát tăng quá nhanh, ... Chính phủ sẽ làm gì?

Chính phủ có những công cụ nhất định có thể sử dụng để tác động đến hoạt động kinh tế vĩ mô. Công cụ chính sách là một biến số kinh tế dưới sự kiểm soát của chính phủ và có thể tác động đến một hay nhiều mục tiêu kinh tế vĩ mô. Bằng cách thay đổi các chính sách, chính phủ có thể đưa nền kinh tế tới mức sản lượng cao hơn, việc làm nhiều hơn và giá cả ổn định.

#### 1.1.2.1 Chính sách tài khoá.

Chính sách tài khoá là các quyết định của chính phủ về chi tiêu và thuế khoá.

Chi tiêu của chính phủ gồm 2 bộ phận chủ yếu :

- Chính phủ mua sắm hàng hoá và dịch vụ như vũ khí, xây dựng đường sá, công trình cho công chức chính phủ ...
- Các khoản thanh toán chuyển nhượng của chính phủ nhằm giúp đỡ người già hay người thất nghiệp...

Mua sắm của chính phủ quyết định quy mô tương đối giữa khu vực tư nhân và khu vực công cộng, ảnh hưởng đến chi tiêu nói chung của nền kinh tế và do đó ảnh hưởng trực tiếp đến tổng sản phẩm quốc nội.

Thuế cũng ảnh hưởng trực tiếp tới nền kinh tế. Thuế làm giảm thu nhập của các cá nhân, thu nhập khả dụng giảm và làm giảm GDP thực tế. Nếu mức thuế giảm sẽ khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư - phát triển sản xuất.

#### 1.1.2.2 Chính sách tiền tệ.

Chính sách tiền tệ là hệ thống các biện pháp của chính phủ nhằm điều tiết lưu thông tiền tệ và tín dụng.

Thông qua các công cụ như lãi suất chiết khấu, tỷ lệ dự trữ bắt buộc hoặc hoạt động trên thị trường mở, ngân hàng trung ương sẽ kiểm soát mức cung tiền. Khi nền kinh tế quá nóng, ngân hàng trung ương sẽ hạn chế cung tiền làm cho đầu tư giảm và lạm phát giảm. Nếu nền kinh tế quá lạnh ngân hàng trung ương có thể tăng cung tiền để thúc đẩy các hoạt động kinh tế.

#### 1.1.2.3 Chính sách thu nhập.

Các quyết định của chính phủ nhằm kiểm soát giá và lợi nhuận được gọi là chính sách thu nhập.

Trong ngắn hạn, chính phủ có thể sử dụng các biện pháp kiểm soát giá (đặt giá trần hoặc giá sàn). Về dài hạn, chính phủ sử dụng các biện pháp mềm dẻo hơn như đàm phán, thuyết phục hoặc bằng các biện pháp kinh tế khác.

#### 1.1.2.4 Chính sách kinh tế đối ngoại

Chính sách kinh tế đối ngoại bao gồm một hệ thống các quy định của chính phủ trong lĩnh vực ngoại thương, đầu tư và các giao dịch kinh tế khác với nước ngoài.

Chính phủ có thể chi phối hoạt động ngoại thương bằng thuế quan, hạn ngạch và các quy định khác hạn chế hoặc khuyến khích xuất nhập khẩu.

Chính phủ cũng có thể quản lý thị trường ngoại hối, giữ tỷ giá hối đoái cân bằng ở mức mà chính phủ cho là hợp lý.

Bằng các quy định cụ thể chính phủ hạn chế hoặc khuyến khích đầu tư nước ngoài.

## **1.2. Tổng cầu và tổng cung**

### **1.2.1. Tổng cầu (AD).**

- Tổng cầu là toàn bộ số lượng hàng hóa và dịch vụ mà xã hội sẵn sàng mua ở mỗi mức giá nhất định khi các nhân tố khác không đổi. AD là khoản chi tiêu mong muốn về sản phẩm trong mọi khu vực: tiêu dùng, đầu tư tư nhân trong nước, mua sắm hàng hóa và dịch vụ của chính phủ và xuất khẩu ròng.
- AD do 4 bộ phận cấu thành:

#### **❶. Tiêu dùng (C).**

Tiêu dùng chủ yếu do thu nhập khả dụng quyết định. Đó là thu nhập cá nhân trừ đi thuế. Các nhân tố khác ảnh hưởng tới tiêu dùng là: xu hướng dài hạn của thu nhập, của cải của hộ gia đình và mức giá chung.

#### **❷. Đầu tư (I).**

Chỉ tiêu đầu tư bao gồm các khoản tiền tư nhân bỏ ra mua nhà ở, trang thiết bị và tích lũy hàng tồn kho. Các nhân tố chính ảnh hưởng đến đầu tư là mức sản lượng, chi phí (phụ thuộc vào chính sách thuế, lãi suất và các điều kiện tài chính khác) và hy vọng về tương lai.

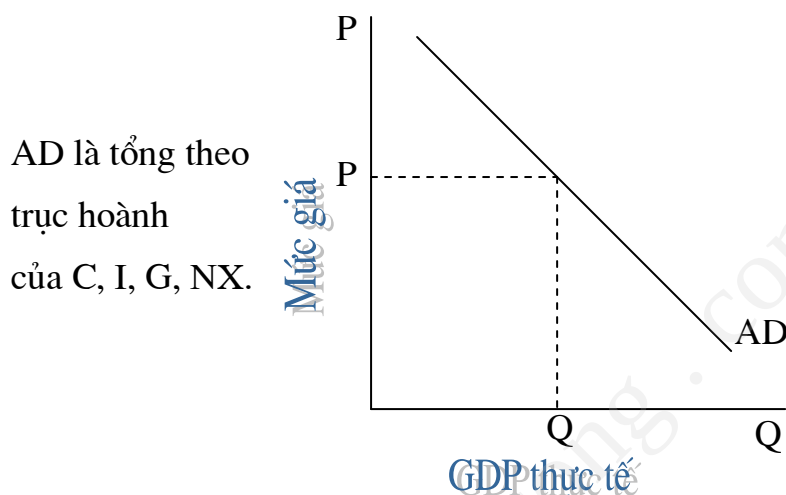
#### **❸. Chi tiêu của chính phủ (G).**

Chính phủ mua sắm hàng hóa và dịch vụ như vũ khí, đạn dược hoặc cung cấp các dịch vụ về tòa án và công chức chính phủ.

Khoản chi của chính phủ được tính ngay vào GDP và trực tiếp xác định tổng cầu.

#### 4. Xuất khẩu ròng (NX).

Xuất khẩu ròng bằng tổng kim ngạch xuất khẩu trừ đi tổng kim ngạch nhập khẩu. Xuất khẩu ròng phụ thuộc vào thu nhập trong nước, nước ngoài, giá tương đối và tỷ giá hối đoái.



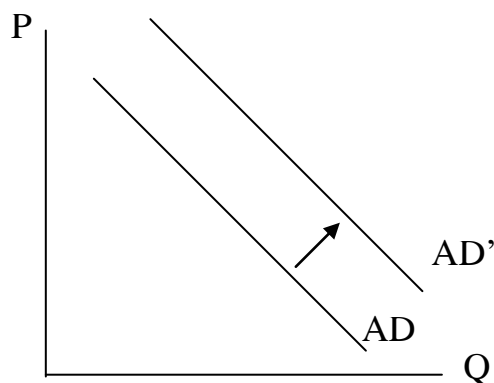
Hình 1.1. Đường AD

#### ❖ Đường tổng cầu có chiều dốc xuống.

Khi các yếu tố khác không đổi, mức chi tiêu thực tế sẽ giảm khi mức giá chung trong nền kinh tế tăng lên.

Có nhiều nguyên nhân làm cho đường AD dốc xuống nhưng chủ yếu là do hiệu ứng cung tiền: Cung tiền không đổi trong khi giá cả tăng lên thì cung tiền thực tế sẽ giảm đi. Khi cung tiền thực tế giảm đi thì tiền trở nên tương đối khan hiếm hay bị “thắt chặt”. Lãi suất tăng lên, đầu tư và tiêu dùng giảm, AD giảm.

#### ❖ Sự dịch chuyển của đường AD.



Hình 1.2. Dịch chuyển đường AD

Sự thay đổi của các yếu tố đằng sau AD như: cung tiền, chính sách thuế, chuẩn bị chiến tranh, ... làm cho tổng chi tiêu tại mỗi mức giá cho trước thay đổi.

– Các nhóm biến số làm dịch chuyển đường AD.

❖ **Biến số chính sách.**

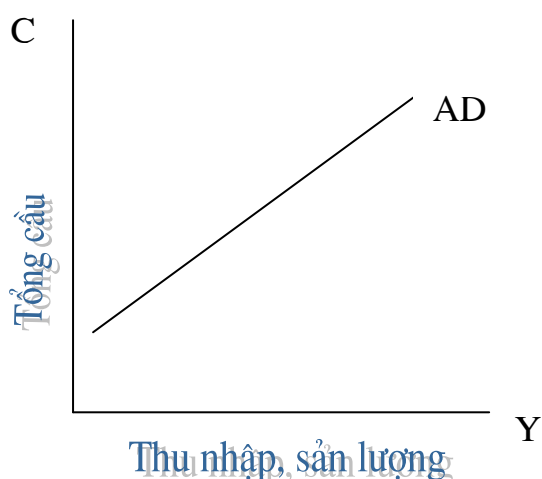
- + **Chính sách tiền tệ:** Việc tăng cung tiền làm giảm lãi suất và cải thiện điều kiện vay mượn, tạo ra mức đầu tư và mức tiêu dùng hàng hoá cao hơn.
- + **Chính sách tài khoá:** Việc chính phủ tăng mua sắm hàng hoá và dịch vụ sẽ trực tiếp làm tăng chi tiêu; giảm thuế sẽ làm cho thu nhập tăng lên, tạo ra mức tiêu dùng lớn hơn.

❖ **Biến ngoại sinh.**

- + **Nhu cầu mua hàng của nước ngoài:** nhu cầu mua hàng của nước ngoài tăng lên sẽ làm tăng xuất khẩu ròng.
- + **Giá trị tài sản:** Giá chứng khoán hay giá nhà tăng lên làm giá trị của cải của các hộ gia đình lớn hơn vì vậy làm tăng mức tiêu dùng và tăng đầu tư kinh doanh.
- + **Giá dầu mỏ tăng:** Giá dầu thế giới tăng làm giảm tiêu dùng và giảm đầu tư.
- + **Tiến bộ công nghệ:** Công nghệ mới tạo ra cơ hội cho đầu tư kinh doanh, tăng tiêu dùng.
- + **Các nhân tố khác:** Sự ổn định chính trị tăng đầu tư và mất ổn định sẽ giảm đầu tư.

Các biến số ngoại sinh là các biến số xác định bên ngoài mô hình AD - AS. Chiến tranh nằm ngoài phạm vi phân tích. Trạng thái kinh tế nước ngoài nằm ngoài phạm vi kiểm soát của chính phủ. Một số biến số khác (thị trường chứng khoán) có tính độc lập cao.

❖ Một cách khác xây dựng đ- ờng tổng cầu trong kinh tế học vĩ mô.



Hình 1.3. Đ- ờng tổng cầu

Tổng cầu là l- ợng mà các doanh nghiệp và các hộ gia đình dự định chi tiêu vào hàng hoá và dịch vụ ở mỗi mức thu nhập.

**Đơn giản:  $AD = C + I$**

**Mở rộng:  $AD = C + I + G + NX$**

### 1.2.2. Tổng cung (AS).

- Tổng cung là l- ợng hàng hoá và dịch vụ sẽ đ- ợc sản xuất tại mức giá nhất định hay nói cách khác AS chính là tổng sản l- ợng quốc gia sẽ đ- ợc sản xuất tại mỗi mức giá có thể có, các yếu tố khác giữ nguyên.
- **Sản l- ợng tiềm năng.**

Cơ sở của tổng cung **là năng lực sản xuất của nền kinh tế** hay sản l- ợng tiềm năng của nó. Tức là sản l- ợng tối đa mà nền kinh tế có thể sản xuất trong khi duy trì giá cả ổn định. Sản l- ợng tiềm năng của một n- ớc là mức cực đại có thể đ- ợc sản xuất với điều kiện cho tr- ớc về công nghệ, trình độ quản lý, vốn, lao động và các nguồn lực sẵn có.

Trong dài hạn, AS phụ thuộc chủ yếu vào sản l- ợng tiềm năng. Nó đ- ợc quyết định bởi các nhân tố ảnh h- ưởng đến tăng tr- ưởng dài hạn nh- : số l- ợng, chất l- ợng nguồn lao động sẵn có, l- ợng vốn, trình độ công nghệ, ...

Thông thường các nhà kinh tế coi sản lượng tiềm năng là mức sản lượng quốc dân bền vững nhất, tại đó mức thất nghiệp thấp (tỷ lệ thất nghiệp tự nhiên).

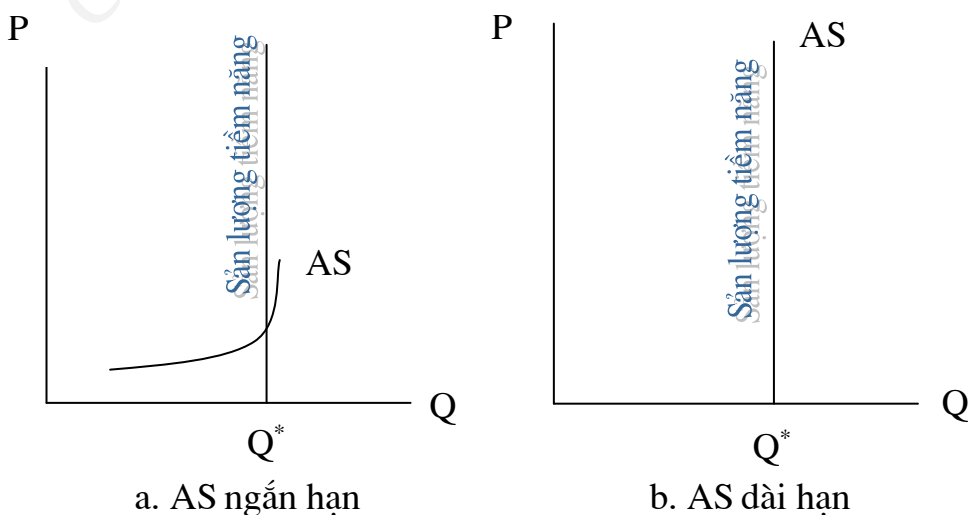
Về cơ bản, sản lượng tiềm năng biểu thị mức có thể cung cấp nếu tổng cầu và các nhà cung ứng không phải đối đầu với những biến động bất ngờ. Trong những thời kỳ suy thoái, các doanh nghiệp có thể sản xuất ít hơn sản lượng tiềm năng, trong những thời kỳ chịu sức ép cao như chiến tranh họ có thể sản xuất cao hơn sản lượng tiềm năng. Nếu sản xuất quá cao sẽ dẫn tới mức giá tăng nhanh, nếu sản xuất quá thấp, thất nghiệp tăng lên, nền kinh tế d thừa công xuất. Sản lượng giữa hai thái cực đó được gọi là sản lượng tiềm năng.

Khi nền kinh tế tăng trưởng, sản lượng tiềm năng cũng tăng theo, đường AS dịch chuyển sang phải. Các đầu vào tăng trưởng và đổi mới công nghệ sẽ làm tăng sản lượng tiềm năng.

– Các chi phí đầu vào.

Đường AS không chỉ bị ảnh hưởng bởi sản lượng tiềm năng mà còn bởi những thay đổi trong chi phí sản xuất. Khi chi phí sản xuất cao hơn, các doanh nghiệp chỉ sẵn sàng cung cấp mức sản lượng đã định với mức giá cao hơn và ngược lại. Ví dụ, nếu tiền lương giảm hoặc giá ở nước ngoài giảm xuống làm giá nhập giảm thì tổng cung sẽ tăng lên.

– Tổng cung trong ngắn hạn và dài hạn.



Hình 1.4 AS ngắn hạn và dài hạn

Theo quan niệm cổ điển, nền kinh tế chịu ảnh hưởng lớn của những lực tự điều chỉnh thông qua cơ chế giá cả, hầu như không có thất nghiệp không tự nguyện hoặc lãng phí từ chu kỳ kinh doanh, các chính sách tác động tới tổng cầu không có tác động nhiều đến sản lượng và việc làm. Đường AS do vậy là rất dốc thậm chí thẳng đứng.

Những nhà kinh tế theo trường phái Keynes cho rằng, đường AS tương đối thoải trong ngắn hạn. Điều này có nghĩa là những thay đổi trong tổng cầu có ảnh hưởng lớn tới sản lượng.

Hình 1.4a cho thấy đường AS dốc lên, các doanh nghiệp sẵn sàng tăng mức sản lượng của mình để đáp lại mức giá cao hơn. Tuy nhiên, việc mở rộng sản lượng không thể diễn ra tùy ý ngay cả trong ngắn hạn. Khi sản lượng tăng lên, lượng lao động sẽ thiếu hụt và các nhà máy hoạt động gần hết công suất. Khi sản xuất tăng lên trên mức tiềm năng, giá tăng với tỷ lệ lớn hơn nhiều so với lượng. Đường AS ngắn hạn tương đối thoải và ở bên trái của đường sản lượng tiềm năng. Đường AS sẽ trở nên ngày càng dốc hơn khi sản lượng tăng lên.

Hình 1.4b cho thấy phản ứng dài hạn của tổng cung trước những mức giá khác nhau. Đường AS dài hạn thẳng đứng.

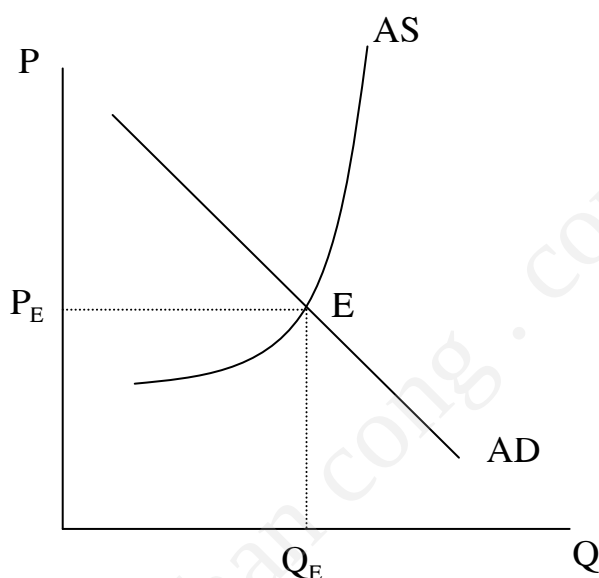
❖ **Sở dĩ trong ngắn hạn tổng cầu tăng làm tăng cả mức giá lẫn sản lượng là vì tính không linh hoạt hay cứng nhắc của một số thành phần trong chi phí kinh doanh ngắn hạn.** Do sự không linh hoạt này, các doanh nghiệp sẽ phản ứng trước các mức tổng cầu cao hơn bằng cách sản xuất và bán ra mức sản lượng cao hơn.

Trên thực tế, do nhiều nguyên nhân, tiền lương được điều chỉnh chậm khi các điều kiện kinh tế thay đổi. Các hợp đồng lao động thường có thời hạn dài và có sự can thiệp mạnh mẽ của các công đoàn. Giá và các chi phí khác cũng thường cứng nhắc trong ngắn hạn. Ví dụ, hợp đồng thuê nhà, điện, nước, điện thoại, ...

❖ **Trong dài hạn, tất cả các chi phí sẽ được điều chỉnh theo mức giá đầu ra, các doanh nghiệp không thể thu lợi từ mức AD cao hơn, sản lượng sẽ quay trở lại mức cân bằng dài hạn của nó tại sản lượng tiềm năng.** Trong dài hạn,

sau khi các thành phần của chi phí đã đ- ợc điều chỉnh đầy đủ, các doanh nghiệp sẽ có cùng một tỷ số giá/chi phí nh- họ đã gặp tr- ớc khi có sự thay đổi của cầu, do đó sẽ không còn động lực nào khiến các hãng tăng sản l- ợng của mình lên. Bởi vậy đ- ờng AS là thẳng đứng.

### 1.2.3. Cân bằng tổng cầu và tổng cung.



Hình 1.5. Cân bằng AD và AS

Sản l- ợng quốc dân và mức giá chung đ- ợc xác định tại giao điểm của tổng cung và tổng cầu - điểm E. Điểm cân bằng này xảy ra tại mức giá chung khi các hãng sẵn sàng sản xuất và bán những cái mà ng- ời tiêu dùng sẵn sàng mua. Đây chính là điểm cân bằng của nền kinh tế. Đó là điểm kết hợp của mức giá chung và sản l- ợng mà tại đó không một ai trong số những ng- ời mua và ng- ời bán còn muốn thay đổi lượng mua bán hay giá cả.

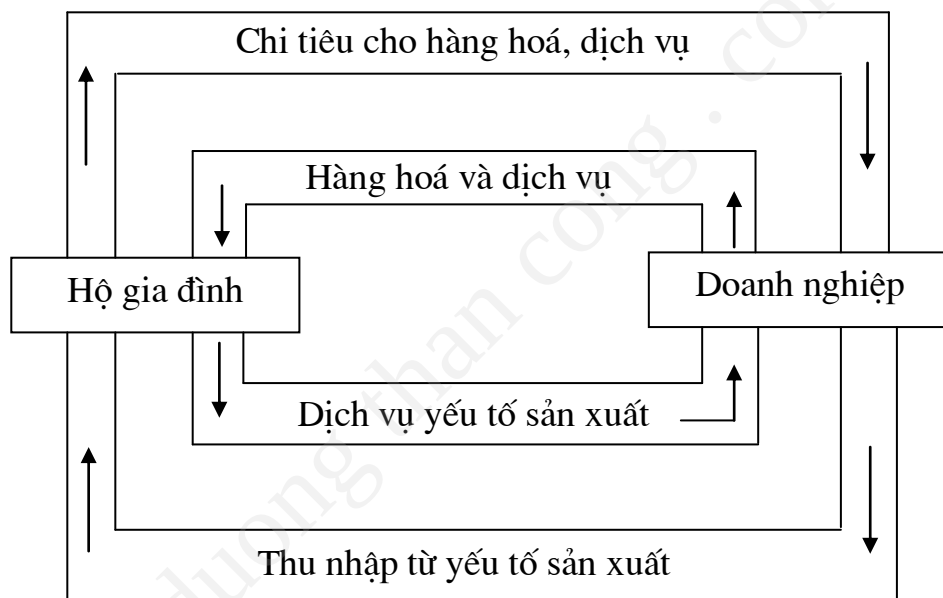
Khi mức giá cao hơn điểm cân bằng, doanh nghiệp sẽ muốn bán nhiều hơn ng- ời tiêu dùng muốn mua. Hàng hoá sẽ ế thừa và buộc ng- ời sản xuất phải giảm sản l- ợng và bắt đầu hạ giá. Khi đạt tới điểm cân bằng, cả ng- ời mua và ng- ời bán đều không muốn thay đổi l- ợng cung hoặc l- ợng cầu.

### 1.3. Cách tính sản lượng quốc gia.

#### 1.3.1. Dòng luân chuyển của kinh tế vĩ mô.

Nền kinh tế quốc gia bao gồm nhiều triệu đơn vị kinh tế riêng lẻ: các hộ gia đình, các doanh nghiệp, các cơ quan của trung - ương và địa phương. Khi gộp các quyết định kinh tế riêng lẻ của các đơn vị này ta có quyết định tổng chi tiêu của nền kinh tế, tổng thu nhập và tổng mức sản xuất hàng hoá và dịch vụ của nó.

Trước hết, chúng ta đơn giản hoá thế giới phức tạp này bằng một sơ đồ luân chuyển trong đó không có chính phủ, ngoại thương hay đầu tư.



Hình 1.6. Dòng luân chuyển kinh tế vĩ mô

Hình 1.6 trình bày một cách đơn giản các giao dịch giữa hộ gia đình và doanh nghiệp. Các hộ gia đình sở hữu các yếu tố sản xuất hay các đầu vào của quá trình sản xuất. Họ sở hữu lao động của mình và có thể cho các doanh nghiệp thuê để lấy tiền công. Các yếu tố sản xuất khác về thực chất chúng thuộc sở hữu của hộ gia đình.

Hộ gia đình cung cấp các dịch vụ về yếu tố sản xuất cho các doanh nghiệp sử dụng các yếu tố này để sản xuất ra hàng hoá và dịch vụ. Các doanh nghiệp thanh toán cho các hộ gia đình, tức là các hộ gia đình kiếm được các khoản thu nhập từ yếu tố sản xuất (tiền lương, tiền thuê tài sản, ...). Các hộ gia đình sử dụng các khoản thu nhập của họ để mua các hàng hoá và dịch vụ của doanh

ng nghiệp và do vậy trả cho các doanh nghiệp khoản tiền để thanh toán cho các dịch vụ yếu tố sản xuất phục vụ trong sản xuất.

Vòng trong phản ánh những chuyển giao các nguồn lực giữa hai khu vực và vòng ngoài phản ánh những chu chuyển tiền tệ trong ứng.

### 1.3.2. Tổng sản phẩm quốc nội ( GDP).

– Khái niệm: GDP là tổng giá trị bằng tiền của tất cả các hàng hoá và dịch vụ cuối cùng được sản xuất ra trong phạm vi một quốc gia trong một năm.

GDP là thước đo quan trọng nhất trong kinh tế học vĩ mô. GDP cho chúng ta một bức tranh toàn cảnh về nền kinh tế. Nó giúp chính phủ nhận định được nền kinh tế quốc gia đang ở đâu và có cần phải thay đổi chính sách hay không.

GDP là tổng giá trị bằng tiền của tất cả các hàng hoá tiêu dùng và đầu tư, các khoản mua sắm của chính phủ và xuất khẩu ròng được sản xuất trong một quốc gia trong một năm.

– Cách tính GDP.

Có hai phương pháp tính GDP: tính theo luồng sản phẩm và luồng thu nhập.

+ Phương pháp luồng sản phẩm: Hàng năm, xã hội tiêu dùng hết sức đa dạng các loại hàng hoá và dịch vụ cuối cùng như quần áo, gạo và cắt tóc, .... GDP chỉ tính đến hàng hoá cuối cùng - hàng hoá được người tiêu dùng mua và sử dụng. Hộ gia đình chi tiêu thu nhập của mình cho những hàng hoá cuối cùng này - cung trên của dòng luân chuyển. Cộng tất cả số tiền chi cho tiêu dùng hàng hoá cuối cùng này ta sẽ có GDP của nền kinh tế.

Giả sử nền kinh tế sản xuất 10 tấn gạo và 20 bộ quần áo. Để tính toán tổng giá trị các hàng hoá và dịch vụ khác nhau, chúng ta sử dụng giá trị thị trường làm thước đo. Giá trị thị trường được sử dụng vì nó phản ánh thực tế là người tiêu dùng sẵn sàng trả bao nhiêu cho một đơn vị hàng hoá hoặc dịch vụ. Vì vậy, nếu gạo có giá là 2 triệu đồng/tấn và quần áo là 1 triệu đồng/bộ, GDP sẽ bằng:

$$\begin{aligned} \text{GDP} &= (\text{giá gạo} \times \text{lượng gạo}) + (\text{giá quần áo} \times \text{lượng quần áo}) \\ &= (2 \text{ triệu} \times 10) + (1 \text{ triệu} \times 20) \\ &= 40 \text{ triệu đồng.} \end{aligned}$$

**+ Ph- ơng pháp thu nhập hay chi phí.**

Xét cung d- ối hình 1.6. Tất cả các chi phí để tiến hành kinh doanh đều xuất hiện ở cung này. Nó bao gồm chi phí tiền l- ơng trả cho lao động, tiền thuê trả cho đất đai, lợi nhuận trả cho vốn, ....Đồng thời, những loại chi phí này cũng là thu nhập mà hộ gia đình nhận đ- ợc từ các doanh nghiệp.

**❖ Vấn đề “tính trùng”.**

GDP là tổng sản l- ợng của tất cả các hàng hoá và dịch vụ cuối cùng. Nếu chúng ta tính giá trị sản l- ợng bún trong GDP thì chúng ta không tính giá trị số gạo bán cho nhà sản xuất bún mà thực chất đã nằm trong giá trị của l- ợng bún đó rồi.

Để tránh tính hai lần chúng ta sử dụng phạm trù “giá trị gia tăng”.

**Giá trị gia tăng là chênh lệch giữa doanh thu của doanh nghiệp với những phí tổn mua nguyên vật liệu và dịch vụ từ doanh nghiệp khác.**

Để xác định giá trị gia tăng chúng ta phân biệt “hàng hoá cuối cùng” và “hàng hoá trung gian”.

**Hàng hoá cuối cùng là những sản phẩm đ- ợc sản xuất và bán để tiêu dùng.**

**Hàng hoá trung gian là những sản phẩm đ- ợc sử dụng để sản xuất ra các hàng hoá khác.**

| <b>Các công đoạn sản xuất</b> | <b>Doanh thu</b> | <b>Chi phí nguyên vật liệu</b> | <b>Giá trị gia tăng (tiền l- ơng, lợi nhuận,...)</b> |
|-------------------------------|------------------|--------------------------------|------------------------------------------------------|
|                               | (1)              | (2)                            | (3) = (1) - (2)                                      |
| Thóc                          | 1.200            | 0                              | 1.200                                                |
| Gạo                           | 1.600            | 1.200                          | 400                                                  |
| Bún                           | 2.100            | 1.600                          | 500                                                  |
| Bán bún                       | 2.800            | 2.100                          | 700                                                  |
|                               | 7.700            | 4.900                          | 2.800                                                |

Bảng 1.1. Doanh thu, chi phí và giá trị gia tăng trong sản xuất bún (đ/kg)

Bảng 1.1 cho thấy ph- ơng pháp giá trị gia tăng yêu cầu phải trừ đi tất cả các phí tổn trung gian xuất hiện trong khai báo thu nhập của nông dân, hàng xáo, ng- ời làm bún và ng- ời bán bún. Giá trị hàng hoá cuối cùng bằng tổng giá trị gia tăng trong các công đoạn khác nhau của quá trình sản xuất.

❖ Tài khoản doanh nghiệp và tài khoản sản phẩm quốc dân.

Thông th- ờng, các nhà kinh tế của chính phủ thu thập số liệu từ nhiều nguồn khác nhau nh- điều tra, kê khai thuế thu nhập, thống kê bán lẻ và các số liệu về việc làm, ....Nguồn số liệu quan trọng là tài khoản doanh nghiệp — bản ghi chép mọi yếu tố của luồng đầu ra và đầu vào trong một giai đoạn nhất định. Ví dụ đơn giản:

| Sản l- ợng         |              | Thu nhập          |              |
|--------------------|--------------|-------------------|--------------|
| Doanh thu hàng hoá |              | Chi phí sản xuất  |              |
| Gạo                | 100.000.000đ | Tiền l- ợng       | 60.000.000đ  |
|                    |              | Tiền thuê         | 20.000.000đ  |
|                    |              | Lãi suất phải trả | 10.000.000đ  |
|                    |              | Lợi nhuận         | 10.000.000đ  |
| Tổng cộng          | 100.000.000đ |                   | 100.000.000đ |

Bảng 1.2. Báo cáo thu nhập của một doanh nghiệp trồng lúa.

Giả sử nền kinh tế chỉ bao gồm 100.000 doanh nghiệp trồng lúa giống hệt nhau. GDP đơn giản chỉ là việc cộng lại mức sản l- ợng của 100.000 doanh nghiệp trên theo hai cách khác nhau.

| Luồng sản phẩm cung trên      |        | Luồng sản phẩm cung d- ưới |                               |
|-------------------------------|--------|----------------------------|-------------------------------|
| Sản phẩm cuối cùng            |        | Chi phí hay thu nhập       |                               |
| $100.000 \times 0.1 = 10.000$ |        | Tiền l- ợng                | $100.000 \times 0.06 = 6.000$ |
|                               |        | Tiền thuê                  | $100.000 \times 0.02 = 2.000$ |
|                               |        | Tiền vay lãi               | $100.000 \times 0.01 = 1.000$ |
|                               |        | Lợi nhuận                  | $100.000 \times 0.01 = 1.000$ |
| GDP                           | 10.000 |                            | 10.000                        |

Bảng 1.3. GDP (tỷ đồng).

Tuy nhiên, bảng 1.3 mới chỉ cho ta cách tính đơn giản. Khi tính đầy đủ, dòng luân chuyển sẽ phải bao gồm cả nhân tố chính phủ và xuất khẩu ròng.

Nh- vậy nếu tính theo luồng sản phẩm thì  **$GDP = C + I + G + NX$** .

T- ơng tự, khi tính đầy đủ theo cung đ- ời chúng ta phải thêm vào thuế gián thu và khấu hao

$$GDP = \text{Tiền l- ơng} + \text{Tiền thuê} + \text{Tiền vay lãi} + \text{Lợi nhuận} + \text{Thuế gián thu} + \text{Khấu hao}.$$

| Ph- ơng pháp sản phẩm                                                                                                                                           | Ph- ơng pháp thu nhập                                                                                                                                                                              |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>GDP bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Tiêu dùng</li> <li>– Đầu t-</li> <li>– Chi tiêu của chính phủ</li> <li>– Xuất khẩu ròng</li> </ul> | <p>GDP bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Tiền l- ơng</li> <li>– Tiền thuê</li> <li>– Tiền vay lãi</li> <li>– Lợi nhuận</li> <li>– Thuế gián thu</li> <li>– Khấu hao</li> </ul> |

Bảng 1.4. GDP và các bộ phận cấu thành.

❖ Chi tiết về bảng 1.4:

+ Ph- ơng pháp sản phẩm:

Tiêu dùng:

Tiêu dùng của các hộ gia đình là toàn bộ giá trị hàng hoá và dịch vụ cuối cùng mà họ mua. Nó đ- ợc chia thành 3 nhóm: hàng mau hỏng, hàng lâu bền và dịch vụ. Hàng mau hỏng là hàng chỉ tồn tại trong thời gian ngắn nh- quần áo và l- ơng thực, thực phẩm. Hàng lâu bền là hàng tồn tại trong thời gian dài nh- xe máy, ô tô. Dịch vụ bao gồm các công việc phục vụ ng- ời tiêu dùng nh- cắt tóc, chữa bệnh.

GDP không tính đ- ợc những hàng hoá và dịch vụ không trao đổi trên thị tr- ờng.

Đầu t- :

Ngoài việc sản xuất hàng hoá tiêu dùng các quốc gia còn dành một phần nguồn lực để sản xuất hàng hoá đầu t-. Hàng hoá đầu t- bao gồm nhà x- ởng, thiết bị và chênh lệch hàng tồn kho của các doanh nghiệp. Khác với khái niệm đầu t- nói chung tính đến cả việc mua cổ phiếu hoặc mở một tài khoản tiết kiệm ở ngân hàng, đầu t- ở đây chỉ tính đến việc sản xuất ra hàng hoá vốn thật sự.

#### Chi tiêu của chính phủ:

Hàng năm, chính phủ phải chi tiêu một khoản rất lớn để mua hàng hoá và dịch vụ. Tuy nhiên, GDP không tính các khoản chi tiêu cho thanh toán chuyển nhượng - khoản mà chính phủ thanh toán cho các cá nhân mà không cần đổi lấy hàng hoá hay dịch vụ do các cá nhân đó cung cấp nh- bảo hiểm thất nghiệp, trợ cấp cho ng- ời già, ng- ời tàn tật, ...

#### Xuất khẩu ròng:

Xuất khẩu ròng biểu thị phần chi tiêu ròng của n- ớc ngoài để mua hàng hoá và dịch vụ của một quốc gia và làm tăng thu nhập của các nhà sản xuất của quốc gia đó. Vì vậy nó là một bộ phận của GDP.

+ Ph- ơng pháp thu nhập:

#### Khấu hao:

Khấu hao là l- ượng vốn bị tiêu dùng trong một thời kỳ nhất định. Nó đo l- ượng tỷ lệ suy giảm giá trị của quỹ vốn hiện vật theo từng giai đoạn do hao mòn, cũ kỹ và lỗi thời. Khấu hao là một khoản chi phí bởi vì nó đo l- ượng các nguồn lực đ- ợc dùng hao đi trong quá trình sản xuất. Khi chi phí khấu hao phát sinh, các doanh nghiệp phải bù đắp khoản chi này. Do vậy, khấu hao cũng đ- ợc tính vào GDP.

#### Thuế gián thu:

Trong cách tính theo luồng sản phẩm để xác định GDP chúng ta có thể bỏ qua việc chính phủ trang trải cho những chi tiêu của mình nh- thế nào. Nh- ng còn cách tính GDP theo luồng thu nhập thì chúng ta phải tính đến thuế. Các khoản thuế trực thu ( thuế thu nhập, thuế đánh vào các khoản tiền lãi, tiền thuê và lợi nhuận) đ- ợc tính vào các khoản chi phí tiền l- ơng, tiền lãi, tiền thuê và

lợi nhuận. Các khoản thuế mà chính phủ đánh vào hàng hoá tiêu dùng thu qua doanh nghiệp tức là thuế gián thu cũng là một bộ phận cấu thành của chi phí để sản xuất ra hàng hoá cuối cùng. Vì vậy, thuế gián thu cũng đ-ợc tính vào GDP.

### ***1.3.3. Tổng sản phẩm quốc nội, sản phẩm quốc nội ròng và tổng sản phẩm quốc dân.***

Trong kinh tế học vĩ mô còn hai khái niệm nữa th-ờng đ-ợc sử dụng để đo l-ờng sản l-ợng quốc dân và sản phẩm quốc nội ròng.

– Tổng sản phẩm quốc dân (GNP): là tổng giá trị bằng tiền của tất cả các hàng hoá và dịch vụ cuối cùng đ-ợc sản xuất ra của một quốc gia trong một năm.

Khi tính GDP, chúng ta tính toàn bộ hàng hoá và dịch vụ đ-ợc sản xuất ra tại một quốc gia mà ch-a tính đến yếu tố sở hữu. Ví dụ: các doanh nghiệp Nhật Bản hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam tạo ra một l-ợng thu nhập là 200 tỷ đồng. 200 tỷ đồng này đ-ợc tính trong GDP của Việt Nam. Tuy nhiên, một phần lợi nhuận sẽ đ-ợc chuyển về Nhật Bản để các hộ gia đình Nhật chi tiêu hay tích luỹ. Ng-ợc lại, các doanh nghiệp và cá nhân Việt Nam từ n-ớc ngoài cũng th-ờng xuyên gửi về một l-ợng thu nhập nhất định. GNP làm rõ hơn vị trí sở hữu bằng cách trừ phần ng-ời Nhật mang đi và cộng phần ng-ời Việt mang về.

$$\text{GNP} = \text{GDP} + \text{thu nhập tài sản ròng từ n-ớc ngoài.}$$

– Sản phẩm quốc nội ròng (NDP).

GDP tính theo luồng thu nhập (chi phí) bao gồm tổng đầu t- , tức là đầu t-ròng cộng với khấu hao. Vì vậy, GDP không phản ánh một thực tế là một phần của tổng sản l-ợng của nền kinh tế phải đ-ợc sử dụng chỉ để bù đắp khấu hao mà không đ-ợc tiêu dùng, đầu t- bổ sung ròng cho quỹ vốn, chi tiêu cho chính phủ hoặc xuất khẩu. Khái niệm NDP sẽ khắc phục đ-ợc tình trạng này.

$$\text{NDP} = \text{GDP}_{\text{theo chi phí}} - \text{khấu hao.}$$

Tuy vậy, khái niệm NDP ít đ-ợc dùng hơn khái niệm GDP bởi vì khấu hao khó - ớc tính, trong khi tổng đầu t- có thể - ớc tính dễ dàng hơn.

– Thu nhập quốc dân NI.

NI phản ánh tổng thu nhập từ các yếu tố mà lao động, đất đai và vốn nhận đ-ợc.

$$NI = GDP - (\text{khấu hao} + \text{thuế gián thu}).$$

$$= NDP - \text{thuế gián thu}.$$

– Thu nhập khả dụng

Thu nhập khả dụng là phần thu nhập quốc dân mà các hộ gia đình nhận đ-ợc sau khi trừ đi thuế trực thu. Nó là phần thực sự nằm trong tay dân chúng và họ có thể sử dụng theo ý muốn.

|     |                |                   |                             |                           |                   |
|-----|----------------|-------------------|-----------------------------|---------------------------|-------------------|
| GDP | Xuất khẩu ròng | Khấu hao          |                             |                           | Thu nhập khả dụng |
|     | Chính phủ      | Thuế gián thu     |                             |                           |                   |
|     | Đầu t-         |                   | Thuế trực thu               | Thanh toán chuyển nh- ợng |                   |
|     |                |                   | Tiết kiệm doanh nghiệp ròng |                           |                   |
|     | Tiêu dùng      | Thu nhập quốc dân |                             |                           |                   |

Thu nhập khả dụng

Bảng 1.5. Từ GDP đến thu nhập khả dụng.

**1.3.4. GDP danh nghĩa và GDP thực tế.**

GDP là giá trị bằng tiền của các hàng hoá và dịch vụ. Đó là giá trị tính theo giá thị tr- ờng hiện hành hay giá trị danh nghĩa. Chúng ta gọi GDP đ-ợc tính theo giá thị tr- ờng hiện hành là GDP danh nghĩa. Tuy vậy, khi có lạm phát thì GDP danh nghĩa không phản ánh chính xác mức thay đổi sản l- ợng. Ví dụ, khi giá cả tăng 3 lần, l- ợng hàng hoá dịch vụ không đổi nh- ng GDP sẽ tăng gấp ba. Nhằm khắc phục điều này, các nhà kinh tế sử dụng khái niệm GDP thực tế

- GDP theo giá cố định. Khi tính GDP thực tế phải chọn một năm cơ sở sau đó sử dụng giá năm cơ sở để xác định giá trị các hàng hoá và dịch vụ khác nhau và cộng chúng lại.

Giả sử nền kinh tế sản xuất 10 tấn gạo trong năm 1984 và 10,2 tấn trong năm 1985. Giá một tấn gạo năm 1984 là 1 triệu đồng và năm 1985 là 2 triệu đồng.

GDP danh nghĩa 1984 ( $P \times Q$ ) =  $10 \times 1.000.000 \text{ đ} = 10.000.000 \text{ đ}$

GDP danh nghĩa 1985 =  $10,2 \times 2.000.000 \text{ đ} = 20.400.000 \text{ đ}$

Nh- vậy, GDP danh nghĩa năm 1985 đã tăng 104% nh- ng GDP thực tế không tăng với mức lớn nh- vậy. Nếu lấy giá năm 1984 làm gốc thì

GDP thực tế =  $10,2 \times 1.000.000 \text{ đ} = 10.200.000 \text{ đ}$

GDP thực tế tăng 2% đúng bằng mức tăng sản l- ợng gạo nh- trong thực tế.

- Chỉ số điều chỉnh GDP ( chỉ số giá)

$$\text{Chỉ số điều chỉnh GDP} = \frac{\text{GDP danh nghĩa}}{\text{GDP thực tế}}$$

$$\text{GDP thực tế} = \frac{\text{GDP danh nghĩa}}{\text{Chỉ số điều chỉnh GDP}}$$

Tóm lại: GDP danh nghĩa phản ánh toàn bộ giá trị bằng tiền của hàng hoá và dịch vụ mà nền kinh tế tạo ra. GDP thực tế phản ánh khối l- ợng sản phẩm hàng hoá và dịch vụ. Chỉ số điều chỉnh GDP phản ánh giá của sản l- ợng so với giá của nó trong năm cơ sở.

### 1.3.5. Sự đồng nhất giữa tiết kiệm và đầu t□

Hình 1.6 cho chúng ta cách tính GDP, với hai ph- ơng pháp khác nhau chúng ta đều có kết quả giống nhau.

Giả sử tổng sản l- ợng và thu nhập của hộ gia đình đều là 2000 tỷ đồng, nh- ng hộ gia đình chỉ chi tiêu 1500 tỷ đồng. Vậy ai sẽ là ng- ời thực hiện những khoản chi tiêu còn lại ?

Hộ gia đình tiết kiệm 500 tỷ đồng, chỉ có 1500 tỷ đồng quay lại mua hàng hoá và dịch vụ ở cung trên của hình 1.6. Vì GDP là 2000 tỷ đồng, vậy khoản

500 tỷ đồng kia lấy ở đâu ? Do khoản này không phát sinh từ khoản chi tiêu của các hộ gia đình nên nó phải phát sinh từ khoản chi tiêu của chính các doanh nghiệp. Đó chính là khoản 500 tỷ đồng chi cho đầu t- của doanh nghiệp.

□ vòng trong, các doanh nghiệp sản xuất ra một l- ợng 1500 tỷ đồng để các hộ gia đình tiêu dùng nh- ng cũng sản xuất ra một sản l- ợng 500 tỷ đồng để các doanh nghiệp khác dùng đầu t- . Vòng ngoài, khoản tiết kiệm nh- là một khoản rò rỉ 500 tỷ đồng nh- ng đầu t- của các doanh nghiệp lại bơm vào 500 tỷ đồng.

Nh- ng tại sao khoản tiết kiệm của các hộ gia đình đúng bằng khoản đầu t- của các doanh nghiệp là 500 tỷ đồng ?

Giải quyết vấn đề này chúng ta dùng khái niệm đồng nhất thức - bằng nhau theo định nghĩa. ( Đồng nhất thức khác với đẳng thức).

Gọi GDP là Y. Nếu C là chi tiêu của hộ gia đình và S là tiết kiệm ( phần thu nhập không đ- ợc tiêu dùng) ta có:

$$S = Y - C \text{ và } Y = C + S$$

$$\text{T- ợng tự, } Y = C + I$$

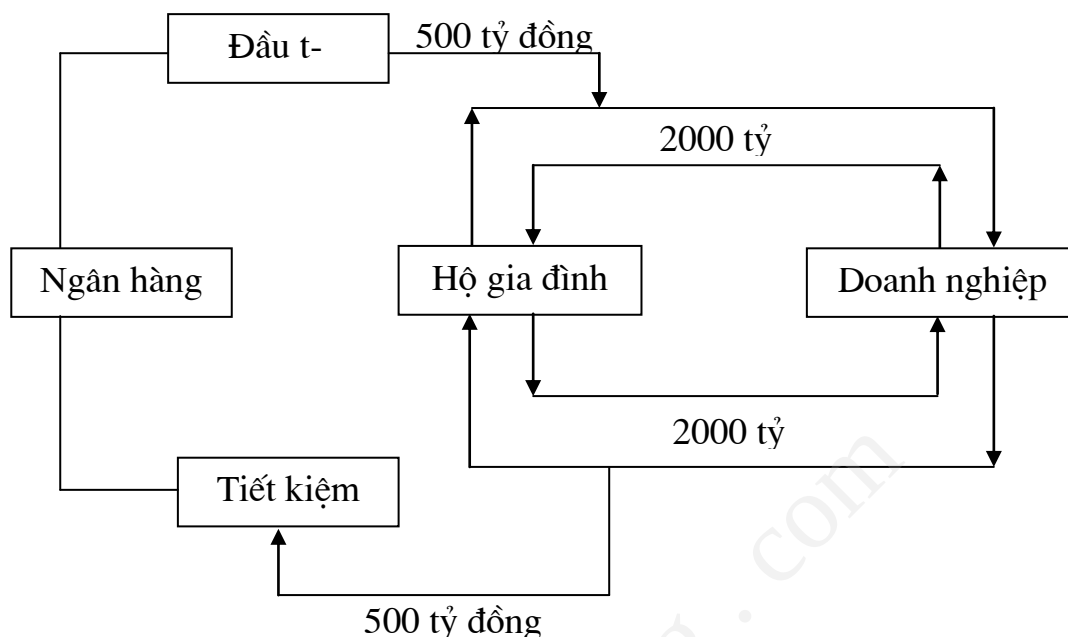
Từ định nghĩa hạch toán thu nhập quốc dân chúng ta có thể suy ra:

$$Y = C + S = C + I$$

$$S = I$$

Bằng cách nào mà khoản tiền tiết kiệm của hộ gia đình lại đ- ợc chuyển giao cho các doanh nghiệp để họ thanh toán khoản chi cho đầu t- ?

Các hộ gia đình tiết kiệm 500 tỷ đồng, họ phải cho các doanh nghiệp vay để đầu t- . Khoản tiền này sẽ đ- ợc chuyển giao thông qua các ngân hàng và các thể chế tài chính khác.



Hình 1.7 . Tiết kiệm và đầu tư .

Khi chúng ta mở rộng dòng luân chuyển, tức bao gồm cả chính phủ và xuất khẩu ròng thì chúng ta sẽ có đồng nhất thức bao gồm 3 bộ phận cấu thành.

Khi có yếu tố chính phủ và nước ngoài, đồng nhất thức được mở rộng bởi những khoản rút ra và bơm vào từ các yếu tố đó.

Chính phủ bơm vào dòng một khoản chi tiêu  $G$ , đồng thời cũng rút ra khỏi dòng một khoản **thuế ròng  $T$** .

Nh- vậy đồng nhất thức là:

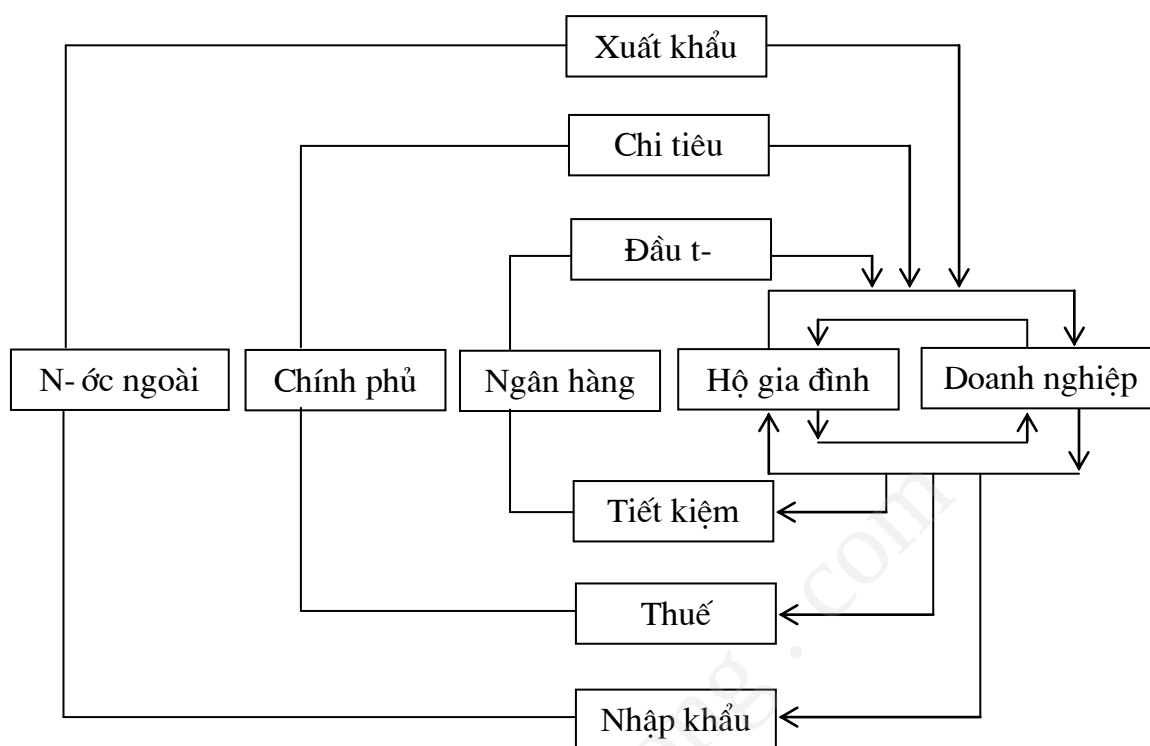
$$S + T = I + G$$

Nếu khu vực tư nhân có thặng dư tài chính thì chính phủ thâm hụt ngân sách và ngược lại.

Khi có ngoại thương, **nhập khẩu rút ra khỏi dòng một lượng  $Z$**  nh- ng **xuất khẩu lại bơm vào dòng một lượng  $X$**

$$S + T + Z = I + G + X$$

Trong nền kinh tế mở, nếu  $S > I$  tức là khu vực tư nhân có thặng dư tài chính hay có một khoản rò rỉ  $S - I$  thì nó phải được cân đối bởi một khoản bơm vào nh- vậy. Khoản bơm vào này có thể bắt nguồn từ thâm hụt của chính phủ hay từ xuất khẩu ròng. Các yếu tố khác cũng có tác động tương tự.



Hình 1.8. Dòng luân chuyển kinh tế vĩ mô mở rộng.

### 1.3.6. Phúc lợi kinh tế ròng

GDP là thước đo tốt nhất để đánh giá sự phát triển kinh tế của một quốc gia, song GDP không tính đến những mặt trái của đầu ra như tiếng ồn, ô nhiễm, tắc nghẽn giao thông và thời gian lao động quá nhiều. Hơn nữa, GDP còn không tính đến vô vàn các loại hàng hoá và dịch vụ không được trao đổi trên thị trường. Vì vậy, thu nhập thực chất của một nước không được đánh giá đầy đủ.

Nhằm khắc phục hạn chế trên các nhà kinh tế đưa ra khái niệm “phúc lợi kinh tế ròng”

Phúc lợi kinh tế ròng (NEW) là GDP sau khi đã loại trừ những mặt trái của đầu ra và cộng thêm giá trị của các thu nhập không báo cáo và không qua trao đổi thị trường hay nói cách khác cộng thêm kinh tế ngầm.

Kinh tế ngầm có hai dạng: kinh tế ngầm bất hợp pháp như cờ bạc, mại dâm, buôn bán ma túy và các hoạt động buôn lậu khác. Kinh tế ngầm hợp pháp là những hoạt động hợp pháp nhưng không được khai báo giá trị thu nhập

cho chính phủ nh- nhiều hoạt động của thợ thủ công, bác sĩ, bảo mẫu và nông dân.

Khái niệm NEW là có ích, song trên thực tế rất khó l- ợng hoá mặt trái của đầu ra cũng nh- khó - ớc tính chính xác hoạt động kinh tế ngầm.

### CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Nếu bạn là nhà lãnh đạo quốc gia, nhiệm vụ kinh tế đặt ra cho bạn là gì ?  
Bạn dùng các công cụ chủ yếu nào để hoàn thành các nhiệm vụ trên ?
2. Bạn lựa chọn đ- ờng tổng cầu đồng biến hay nghịch biến để phân tích kinh tế vĩ mô ? Vì sao ?
3. Quan điểm của Keynes về tổng cung gợi ý cho bạn điều gì về nền kinh tế thị tr- ờng hiện đại ?
4. Tại sao hiện nay các nhà kinh tế th- ờng hay dùng GDP hơn là dùng GNP ?
5. Thông qua dòng luân chuyển kinh tế vĩ mô mở rộng, bạn có nhận xét gì về trạng thái cân bằng của nền kinh tế ?
6. Vì sao GDP không phản ánh đầy đủ mức sống của một n- ớc ?
7. Nền kinh tế có 5 nhà sản xuất: nông dân, thợ đá, thợ làm cối xay, hàng xáo và hàng bún. Hàng bún bán thành phẩm của mình cho ng- ời tiêu dùng cuối cùng là 4.000 đ. Trong quá trình sản xuất bún, nhà sản xuất này phải mua gạo (1.500 đ) và cối xay bột (1.500 đ). Hàng xáo mua thóc của nông dân (1.000đ), thợ làm cối xay mua đá của thợ đá (1.000 đ).  
Tính GDP của nền kinh tế trên.